

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2024/HSST**
Ngày: 23 - 8 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Công Đức
Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường A, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2024/TLST-HS ngày 27/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 09/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Quốc T, sinh năm 2001, tại Hải Dương.

Căn cước công dân số: 0302.0101.0358 cấp ngày 01/11/2022; Nơi thường trú: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1982; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em, chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 03/01/2024 cho đến nay.

2. Hoàng Quang T1, sinh năm 2001, tại Q.

Căn cước công dân số: 0752.0101.9393 cấp ngày 03/12/2022; Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quang T2, sinh năm

1965 và bà Đặng Thị Bích Đ (đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 03/01/2024 cho đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị Ngọc L1, sinh năm: 1988. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Kim N, sinh năm: 1981. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Thế D, sinh năm: 1984. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm: 1980. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Trương Thị Hồng H1, sinh năm: 1974. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Lê Quốc P, sinh năm: 1991. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trương Thị Quỳnh C, sinh năm: 1966. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1970. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp X, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2024, Hoàng Quốc T và Hoàng Quang T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” xảy ra trên địa bàn huyện T, huyện T, huyện Đ, thành phố L, tỉnh Đồng Nai trong thời gian từ tháng 04/2023 đến ngày 03/01/2024. Tài liệu, đồ vật thu giữ, tạm giữ bao gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Hoàng Quang T1;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số thuê bao 0327.466.518;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen số thuê bao 0332.461.414 của Hoàng Quốc T.
- 01 thẻ ngân hàng V của Hoàng Quốc T;
- 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Quốc T;

- 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Quang T1;
- 01 Căn cước công dân mang tên Lê Quốc P;
- 15 tờ giấy các loại chứa thông tin cho vay;
- 01 giấy chứng nhận kinh doanh mang tên Nguyễn Quang T4;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone SE màu bạc.
- 01 điện thoại đi động hiệu N2 màu đen.

Kết quả điều tra có đủ căn cứ xác định diễn biến, hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào khoảng tháng 04/2023, Hoàng Quốc T từ tỉnh Hải Dương vào Đồng Nai để tìm kiếm việc làm. Quá trình sinh sống T quen biết với một người tên Nguyễn Thành Đ1 (sinh năm: 1984; trú tại: tổ dân phố B, thị trấn S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh), biết Đ1 có cho người dân vay tiền với lãi suất cao theo ngày nên T xin Đ1 cho làm cùng và được Đ1 đồng ý. T sử dụng 01 điện thoại đi động hiệu Nokia màu xanh, số thuê bao 0327.466.518 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen số thuê bao 0332.461.414 để hoạt động cho người dân vay tiền trả góp cả gốc và lãi theo ngày với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính và coi đây là nguồn sống chính. T đến ở cùng nhà trọ với Đ1 tại ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để ở. Để tìm kiếm khách vay, T đi phát tờ rơi với nội dung “cho vay tiền trả góp” và in số điện thoại 0327.466.518, 0332.461.414 của T, sau đó đi rải ở đường, chợ, khu vực đông dân cư, ở khu vực các huyện X, C, Thống N1 và thành phố L để người có nhu cầu vay tiền biết liên lạc để cho vay. Số tiền T cho vay từ 05 triệu đồng đến 20 triệu đồng, trả góp tiền gốc và lãi theo ngày trong vòng 21 ngày, 25 ngày. Những trường hợp “đáo hạn” tức muốn trả hết nợ trước thời hạn 21 ngày, 25 ngày để vay tiếp lần mới thì người vay cũng phải trả đủ cả gốc và lãi của những ngày còn lại cho T thì mới được vay tiếp. Trường hợp không có tiền đóng góp cho những ngày còn lại mà vẫn muốn vay lần mới thì khi cho vay lần mới, trước khi đưa tiền, T sẽ trừ đi số tiền cả gốc và lãi của lần trước còn nợ, người vay tiền sẽ tiếp tục đóng lại từ đầu của lần vay mới theo thỏa thuận. Khi cho vay T không làm giấy tờ gì với người vay tiền, chỉ yêu cầu người vay cho biết nhà hoặc nơi làm việc, buôn bán, số điện thoại và giữ giấy tờ tùy thân (căn cước công dân, giấy chứng nhận đăng ký xe, bằng lái xe). Sau đó, T thỏa thuận miệng với người vay về số tiền vay và phương thức trả tiền gốc, lãi hàng ngày. Sau khi cho vay, khoảng 15-17 giờ chiều hàng ngày, T hẹn địa điểm để đến thu tiền đóng hàng ngày của người vay tiền. Ngoài ra, T còn sử dụng tài khoản ngân hàng S mang tên T số TK 040099178487 để thu tiền hằng ngày và lấy tiền cho vay từ Đ1.

Hoàng Quốc T và Nguyễn Thành Đ1 thỏa thuận, hàng ngày nếu ai có nhu cầu vay tiền, T sẽ gọi cho Đ1 để Đ1 chuyển khoản số tiền vay cho T. T làm cho Đ1 mỗi ngày T cho người vay và đi thu tiền lãi và gốc hàng ngày thì T được Đ1 trả công số tiền 7.000.000đồng/1 tháng và hỗ trợ thêm 100.000đồng/ngày tiền xăng xe. Hằng ngày, T đi thu tiền lãi và gốc của những người vay, T sẽ tập hợp số tiền lại và cứ 3 đến 4 ngày sau T sẽ chuyển khoản tiền lãi và gốc cho Đ1 qua hình thức chuyển khoản ngân hàng của Đ1.

Đến khoảng tháng 07/2023, trong quá trình sinh sống T có quen biết Hoàng Quang T1 và rủ T1 về ở cùng và làm thuê cho Đ1. T1 không đảm nhận đứng ra cho vay mà chỉ chờ T đi cùng tìm khách, thu tiền khách và phát tờ rơi, T1 được Đ1 trả công số tiền 7.000.000đồng/1 tháng và hỗ trợ thêm 100.000đồng/ngày tiền xăng xe.

* Đối với tiền phí dịch vụ: Trước khi vay tiền, T, T1 và người vay sẽ thoả thuận về việc thu tiền phí dịch vụ (tiền xăng, tiền công hàng ngày T đi thu tiền lãi và gốc, tiền điện thoại...) như sau: Đối với khoản vay mới, tiền phí dịch vụ T, T1 sẽ tính 5% trên tổng số tiền vay (đối với khoản vay 5.000.000 đồng sẽ thu phí dịch vụ là 250.000 đồng, khoản vay 10.000.000 đồng tiền phí dịch vụ là 500.000 đồng; khoản vay 15.000.000 đồng phí dịch vụ là 750.000 đồng). Đối với khoản vay đáo hạn T, T1 vẫn sẽ tính tiền phí dịch vụ là 5% trên tổng số tiền vay đáo hạn.

* Hình thức cho vay như sau:

- Nếu cho vay góp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Cho vay 5.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 6.300.000 đồng, T thu lãi số tiền là 1.300.000 đồng.

- Nếu cho vay góp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi ngàn đồng). Cho vay 5.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả số tiền là 6.250.000 đồng, T thu lãi số tiền là 1.250.000 đồng.

- Nếu cho vay góp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả số tiền là 12.500.000 đồng, T thu lãi số tiền là 2.500.000 đồng.

- Nếu cho vay góp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời hạn 21 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 600.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Cho vay 10.000.000 đồng/21 ngày người vay phải trả số tiền là 12.600.000 đồng, T thu lãi số tiền là 2.600.000 đồng.

- Nếu cho vay góp số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) trong thời hạn 25 ngày, mỗi ngày T thu của người vay cả gốc và lãi số tiền là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Cho vay 15.000.000 đồng/25 ngày người vay phải trả số tiền là 18.750.000 đồng, T thu lãi số tiền là 3.500.000 đồng.

* Quá trình điều tra xác định từ tháng 04/2023 đến ngày 03/01/2024 (ngày bị phát hiện hành vi vi phạm), T và T1 đã cho 08 người dân trên địa bàn các huyện T, X, Cẩm M và thành phố L vay tiền theo hình thức trả góp cả gốc và lãi theo ngày với mức lãi suất từ 1%/ngày đến 1,24%/ngày, tương đương 365%/năm đến 451%/năm, cao gấp 18,25 lần đến 22,6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền T, T1 đã cho vay là: **220.000.000 đồng** (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền lãi đã thu được là: **50.123.810 đồng** (Năm mươi triệu một trăm hai mươi ba ngàn tám trăm mười đồng). Tiền thu phí dịch vụ: **11.000.000 đồng** (Mười một triệu đồng).

Tổng số tiền gốc đã thu được: **198.876.190 đồng** (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng)

Sau khi trừ đi số tiền lãi được phép trong mức dân sự là **2.635.616 đồng**, thì tổng số tiền T, T1 đã thu lợi bất chính là **58.488.193 đồng** (Năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn một trăm chín mươi ba đồng).

Cụ thể những người vay như sau:

1. Trần Thị Ngọc L1 (sinh năm: 1988; trú tại: ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.)

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Số tiền lãi T, T1 thu được là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 57.534 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 1.242.466 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 1.492.466 đồng.

2. Nguyễn Kim N (sinh năm: 1981; trú tại: xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai)

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tính đến ngày 03/01/2024, N đã đóng 17 ngày (do ngày 03/01/2024 N đóng tiền thêm cho ngày 04/01/2024) với tổng số tiền 5.100.000 đồng, còn nợ lại 04 ngày số tiền 1.200.000 đồng. Số tiền lãi T, T1 thu được là 1.052.381 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 46.575 đồng), Số tiền lãi thu lợi bất chính là: 1.005.806 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 1.255.806 đồng.

3. Nguyễn Thế D (sinh năm: 1984; trú tại: phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.)

Những khoản đã thanh toán xong:

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Số tiền lãi T, T1 thu được là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 57.534 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 1.242.466 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 1.492.466 đồng.

Khoản vay còn nợ lại:

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tính đến ngày 03/01/2024, D đã đóng 11 ngày với tổng số tiền 3.300.000 đồng, còn nợ lại 10 ngày số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền lãi T, T1 thu được là 680.952

đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 30.137 đồng), số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 650.815 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 900.815 đồng.

4. Nguyễn Thị Thanh T3 (sinh năm: 1980; phường S, thành phố L, tỉnh Đồng Nai).

Những khoản đã thanh toán xong:

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), Số tiền lãi T, T1 thu được là 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 57.534 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 1.242.466 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 1.492.466 đồng.

Khoản vay còn nợ lại:

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tính đến ngày 03/01/2024, T3 đã đóng 11 ngày với tổng số tiền 3.300.000 đồng, còn nợ lại 10 ngày số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền lãi T, T1 thu được là 680.952 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 30.137 đồng), số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 650.815 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 900.815 đồng.

5. Trương Thị Hồng H1 (sinh năm: 1974; trú tại: xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai).

Những khoản đã thanh toán xong:

Vay của T, T1 03 lần với số tiền vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi T, T1 thu được là 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 172.603 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 3.727.397 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 750.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 4.477.397 đồng.

Khoản vay còn nợ lại:

Vay của T, T1 và Đ1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tính đến ngày 03/01/2024, H1 đã đóng 05 ngày với tổng số tiền 1.500.000 đồng, còn nợ lại 16 ngày số tiền 4.800.000 đồng. Số tiền lãi T, T1 và Đ1 thu được là 309.524 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 13.699 đồng), số tiền lãi T, T1 và Đ1 thu lợi bất chính là: 295.825 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 và Đ1 thu lợi bất chính (số tiền thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 545.825 đồng.

6. Lê Quốc P (sinh năm: 1991; trú tại: ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai).

Những khoản đã thanh toán xong:

Vay của T, T1 04 lần với số tiền vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Số tiền lãi T, T1 thu được là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 273.973 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 4.726.027 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 5.726.027 đồng.

Khoản vay còn nợ lại:

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tính đến ngày 03/01/2024, P đã đóng 24 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ lại 01 ngày số tiền 250.000 đồng. Số tiền lãi T, T1 thu được là 1.200.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 65.753 đồng), số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 1.134.247 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 250.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 1.384.247 đồng.

7. Trương Thị Quỳnh C (sinh năm: 1966; Ngụ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai)

Những khoản đã thanh toán xong:

Vay của T, T1 01 lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền lãi T, T1 thu được là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/ năm của khoản vay tương đương 136.986 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 2.363.014 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 500.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 2.863.014 đồng.

Vay của T, T1 07 lần số tiền 5.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng). Số tiền lãi T, T1 thu được là 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 479.752 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 8.270.248 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 1.750.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 10.020.548 đồng.

8. Nguyễn Văn C1 (sinh năm: 1970, trú tại: ấp X, xã X, T, Đồng Nai)

Những khoản đã thanh toán xong:

Vay của T, T1 07 lần số tiền 10.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Số tiền lãi T, T1 thu được là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 958.904 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 16.541.096 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 3.500.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 20.041.096 đồng.

Vay của T, T1 01 lần số tiền 15.000.000 đồng, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Số tiền lãi T, T1 thu được là 3.750.000

đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 205.479 đồng) số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 3.544.521 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 750.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền lãi thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 4.294.521 đồng.

Khoản vay còn nợ lại:

Vay của T, T1 01 lần với số tiền vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tính đến ngày 03/01/2024, C1 đã đóng 06 ngày với tổng số tiền 4.500.000 đồng, còn nợ lại 19 ngày số tiền 14.250.000 đồng. Số tiền lãi T, T1 thu được là 900.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền lãi cho phép (20%/năm của khoản vay tương đương 65.753 đồng), số tiền lãi T, T1 thu lợi bất chính là: 850.685 đồng. Tiền phí dịch vụ là: 750.000 đồng. Tổng số tiền T, T1 thu lợi bất chính (số tiền thu lợi bất chính + Tiền phí dịch vụ): 1.600.685 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo Hoàng Quốc T và Hoàng Quang T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Cáo trạng số: 80/CT-VKS-TN ngày 25/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố các bị cáo Hoàng Quốc T và Hoàng Quang T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự ra đầu thú hành vi phạm tội của mình là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt: Các bị cáo Hoàng Quốc T và bị cáo Hoàng Quang T1 mỗi bị cáo mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về biện pháp tư pháp: 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Hoàng Quang T1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen của Hoàng Quốc T là phương tiện Hoàng Quốc T và Hoàng Quang T1 sử dụng vào mục đích phục vụ hành vi phạm tội, cần tịch thu, tiêu hủy.

Tổng số tiền T, T1 sử dụng đã cho vay là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), những người vay trả thanh toán cho các bị cáo 198.876.190 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn một trăm chín mươi đồng); tổng số tiền lãi đã thu bất hợp pháp được là 47.488.194 đồng và tiền thu phí dịch vụ: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Đề nghị Toà án tuyên buộc các bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Các bị cáo nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hoàng Quốc T và Hoàng Quang T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 04/2023 đến ngày 03/01/2024 Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 đã cho 08 người dân trên địa bàn các huyện T, X, Cẩm M và thành phố L vay tiền theo hình thức trả góp cả gốc và lãi theo ngày với mức lãi suất từ 1%/ngày đến 1,24%/ngày, tương đương 365%/năm đến 451%/năm, cao gấp 18,25 lần đến 22,6 lần của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền T, T1 đã cho vay là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền gốc những người vay đã trả cho các bị cáo: 198.876.190 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng). Tổng số tiền lãi đã thu được là 50.123.810 đồng (Năm mươi triệu một trăm hai mươi ba nghìn tám trăm mười đồng), sau khi trừ đi số tiền lãi được phép thu theo quy định là 2.635.616 đồng, số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là tiền là 58.488.194 đồng (trong đó tiền lãi là 47.488.194 đồng; tiền phí dịch vụ: 11.000.000 đồng).

Từ đó đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 đã phạm vào tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật quy định, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Các bị

cáo lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để cho vay tiền với mức lãi suất cao hơn nhiều lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Vì vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có vai trò nhiệm vụ và được hưởng lợi ngang nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cùng phải chịu mức hình phạt ngang nhau.

Trong vụ án này, các bị cáo xác định trong thời gian từ tháng 04/2023 đến 03/01/2024 liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng, Nguyễn Thành Đ1 đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho Hoàng Quốc T tổng cộng 98 lần với tổng số tiền là 376.750.000 đồng, đồng thời Hoàng Quốc T đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Thành Đ1 tổng cộng 342 lần với tổng số tiền là 717.990.000 đồng. Các bị cáo trình bày chỉ là người làm công cho Đ1 để hưởng lương. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với Nguyễn Thành Đ1 nên chưa có căn cứ để xác định lời khai của các bị cáo về nguồn tiền cho vay và việc hưởng lợi như trình bày của các bị cáo. Vì vậy, quá trình điều tra xác định các bị cáo là người trực tiếp quản lý nguồn tiền cho vay và thu tiền gốc, lãi, phí dịch vụ từ những người vay tiền, do vậy cần buộc các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm về nguồn tiền cho vay trong hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi nhận thức được vi phạm các bị cáo đã ra tự giác đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư ổn định, rõ ràng, quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã bị áp dụng biện pháp tạm giam thời gian 07 tháng 02 ngày. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, việc không cách ly các bị cáo để cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo. Trong thời gian thử thách của án treo, giao các bị cáo trên cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát đối với bị cáo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, nhận thức về hành vi vi phạm pháp luật của bản thân để cải tạo thành công dân luôn tuân thủ pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tuy nhiên xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Đối với số tiền lãi thu cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự và tiền phí dịch vụ các bị cáo đã thu được xác định là tiền thu lợi bất chính nên cần buộc các bị cáo phải trả lại cho những người đi vay tổng số tiền là 47.488.194 đồng (tiền lãi) và 11.000.000 đồng (phí dịch vụ), cụ thể:

1. Trả cho bà Nguyễn Kim N số tiền 1.255.806 đồng.
2. Trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền 2.393.281 đồng.
3. Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 2.393.281 đồng.
4. Trả cho bà Trương Thị Hồng H1 số tiền 5.023.222 đồng.
5. Trả cho ông Lê Quốc P số tiền 7.110.274 đồng.
6. Trả cho bà Trương Thị Quỳnh C số tiền 12.883.562 đồng.
7. Trả cho ông Nguyễn Văn C1 số tiền 25.936.302 đồng.

Trường hợp bà Trần Thị Ngọc L1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã thu lợi bất chính (1.492.466 đồng), căn cứ điều 47 của Bộ luật Hình sự, Tòa án ghi nhận ý kiến của đương sự, không buộc các bị cáo phải bồi thường theo quy định.

[7] Về biện pháp tư pháp

Đối với số tiền vốn các bị cáo dùng để cho vay, sau khi được căn trừ số tiền mà người vay chưa trả đủ cho các bị cáo là 198.876.190 đồng. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu được của những người đi vay là 2.635.616 đồng cần buộc các bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền nợ gốc người vay chưa trả cho các bị cáo cần buộc những người vay phải nộp sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Kim N phải nộp số tiền 952.381 đồng.
- + Ông Nguyễn Thế D phải nộp số tiền 2.380.952 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải nộp số tiền 2.380.952 đồng.
- + Ông Lê Quốc P phải nộp số tiền 200.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Văn C1 phải nộp số tiền 11.400.000 đồng.
- + Bà Trương Thị Hồng H1 phải nộp số tiền 3.809.524 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Hoàng Quang T1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen của Hoàng Quốc T, các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng là 15 tờ giấy các loại chứa thông tin cho vay cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[9] Các vấn đề khác

Đối với đối tượng Nguyễn Thành Đ1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng hiện không có mặt tại địa phương nên chưa tiến hành làm việc được. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hành vi và tài liệu liên quan đối với Nguyễn Thành Đ1 đưa vào hệ thống tin báo, tố giác tội phạm để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- **Tuyên bố:** Các bị cáo **Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

- **Xử phạt:** Bị cáo Hoàng Quốc T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

- **Xử phạt:** Bị cáo Hoàng Quang T1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm nào khác.

Giao bị cáo Hoàng Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Quang T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 phải nộp số tiền 198.876.190 đồng để sung quỹ Nhà nước, trong đó mỗi bị cáo phải nộp là 99.438.095 đồng.

Buộc các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 phải nộp số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu được của những người đi vay là 2.635.616 đồng để sung quỹ Nhà nước, trong đó mỗi bị cáo phải nộp là 1.317.808 đồng.

Buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền gốc chưa trả cho các bị cáo, cụ thể:

- + Bà Nguyễn Kim N phải nộp số tiền 952.381 đồng.
- + Ông Nguyễn Thế D phải nộp số tiền 2.380.952 đồng.
- + Bà Nguyễn Thị Thanh T3 phải nộp số tiền 2.380.952 đồng.
- + Ông Lê Quốc P phải nộp số tiền 200.000 đồng.
- + Ông Nguyễn Văn C1 phải nộp số tiền 11.400.000 đồng.
- + Bà Trương Thị Hồng H1 phải nộp số tiền 3.809.524 đồng.

3. Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 phải trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 56.995.728 đồng, cụ thể:

- + Trả cho bà Nguyễn Kim N số tiền 1.255.806 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 627.903 đồng.
- + Trả cho ông Nguyễn Thế D số tiền 2.393.281 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 1.196.640 đồng.
- + Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 2.393.281 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 1.196.640 đồng.
- + Trả cho bà Trương Thị Hồng H1 các bị cáo phải trả cho chị H1 số tiền 5.023.222 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 2.511.611 đồng.
- + Trả cho ông Lê Quốc P số tiền 7.110.274 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 3.555.137 đồng.
- + Trả cho bà Trương Thị Quỳnh C số tiền 12.883.562 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 6.441.781 đồng.
- + Trả cho ông Nguyễn Văn C1 số tiền 25.936.302 đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải trả là 12.968.151 đồng.

Căn cứ khoản 1 điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thanh toán thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá

mức lãi suất quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen của Hoàng Quang T1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen của Hoàng Quốc T. *(Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2024 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất).*

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 15 tờ giấy các loại chứa thông tin cho vay.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Hoàng Quốc T, Hoàng Quang T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.424.893 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Thống Nhất;
- Chi cục THA H.Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu AV, HS.

Đào Thị Kiều Vân